

Quỹ ETF IPAAM VN100

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Số/No: 2022114 /TB-FUEIP100

Hà Nội 14/01/2022

/As at 14-Jan-22

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Securities Depository*
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ *Authorised Participants and Investors*

1. Tên CTQLQ/*Fund management Company*:

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

/ *I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company*

2. Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng Vietcombank

3. Mã chứng khoán/ *Securities code*: FUEIP100

4. Tên quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF IPAAM VN100

5. Địa chỉ trụ sở chính/ *Main office address*: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Ngày giao dịch hoán đổi/*Exchange Date*: 17/01/2022

7. Đơn vị tính/*Unit*: 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ *1 Creation Unit = 100.000 ETF shares*.

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/

Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	Quantity	Weight
1	HPG	1,400	5.86%
2	ACB	1,300	3.89%
3	TCB	1,300	5.85%
4	MBB	1,200	3.22%
5	STB	1,000	3.17%
6	VPB	1,700	5.36%
7	VIC	800	7.16%
8	HDB	800	2.22%
9	EIB	600	1.84%
10	LPB	600	1.18%
11	VRE	500	1.56%
12	MSB	700	1.70%
13	VNM	500	3.83%
14	VHM	800	5.95%
15	FPT	400	3.30%
16	CTG	400	1.28%
17	VIB	400	1.66%
18	TPB	500	1.90%
19	NVL	400	2.97%
20	GEX	300	1.20%
21	FLC	300	0.44%

22	POW	300	0.48%
23	DXG	300	0.94%
24	SSI	400	1.76%
25	MSN	300	3.93%
26	VCB	300	2.26%
27	KDH	200	0.97%
28	HSG	200	0.64%
29	KBC	200	1.04%
30	MWG	300	3.64%
31	VJC	200	2.21%
32	SAM	200	0.41%
33	SCR	200	0.40%
34	GMD	100	0.39%
35	TCH	200	0.43%
36	VCI	100	0.56%
37	SBT	100	0.22%
38	PVD	100	0.28%
39	NLG	100	0.51%
40	VCG	100	0.46%
41	PDR	100	0.83%
42	PNJ	100	0.85%
43	CII	100	0.41%
44	DIG	100	0.87%
45	PLX	100	0.50%
46	HBC	100	0.28%
47	BID	100	0.40%
48	GVR	100	0.32%
49	DPM	100	0.36%
50	AAA	100	0.17%
51	PVT	100	0.21%
52	HPX	100	0.30%
53	REE	100	0.60%
54	HCM	100	0.38%
55	DCM	100	0.26%
56	APH	100	0.31%
57	KDC	100	0.48%
58	PC1	100	0.33%
59	GAS	100	0.95%
60	ASM	100	0.16%
61	DGC	100	1.30%
62	NT2	100	0.22%
63	SAB	100	1.37%
64	VHC	100	0.57%
65	BVH	100	0.49%

70
CÓ T
TH
LÝ
HƯN
I
TR

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/

Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket : (VND)	1,105,145,000
Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit : (VND)	1,111,283,205
Giá trị chênh lệch/Cash component : (VND)	6,138,205

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	33,050	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	44,250	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC/ BVSC: Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
3	FPT	91,300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	42,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	29,650	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	134,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	93,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	66,400	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	49,750	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	41,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	34,850	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit

78-
 TY
 H V
 Y Đ
 HOÁN
 A
 G-TP

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

This information was disclosed on Company/Funds Portal at: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

Đại diện tổ chức/Organization Representative

Người công bố thông tin/ Persons Authorized to Disclose Information

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) / (Signature, full name and seal - if any)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hồ Nga

